

## Must, Must not & Need not trong tiếng Anh

### A. Cách sử dụng của Must, Mustn't và Needn't trong tiếng Anh

- **You must do something** = bạn cần thiết phải làm điều đó:

- Don't tell anybody what I said. You must keep it a secret. Đừng nói với ai những điều tôi nói nhé. Bạn phải giữ bí mật. - We haven't got much time. We must hurry. Chúng ta không có nhiều thời giờ. Chúng ta phải khẩn trương.

- **You mustn't do something** = Điều cần thiết là bạn không phải làm điều gì đó (vì vậy đừng làm):

- You must keep it a secret. You mustn't tell anybody else. (= don't tell anybody else) Bạn phải giữ bí mật điều đó. Bạn không được nói với bất cứ ai. - It's essential that nobody hears us. We mustn't make any noise. Điều cốt yếu là không ai nghe thấy chúng ta. Chúng ta không được tạo ra tiếng động.

- **You needn't do something** = Không cần thiết để bạn làm điều đó (bạn không cần làm điều đó):

- You can come with me if you like but you needn't come if you don't want to. (=it is not necessary for you to come) Bạn có thể đi với tôi nếu bạn thích nhưng bạn không cần đi nếu bạn không muốn. (= bạn không cần thiết phải đi) - We've got plenty of time. We needn't hurry. (= it is not necessary to hurry) Chúng ta có nhiều thì giờ. Chúng ta không cần phải vội. (= không cần phải vội)

### B. Có thể sử dụng don't/doesn't/ need to thay cho needn't

Ví dụ:

- We needn't hurry. hoặc We don't need to hurry. Chúng ta không cần phải vội.

Bạn cần nhớ rằng: chúng ta nói "don't need to do" nhưng "needn't do" (không có to)

**Don't need to** và **Needn't** là tương đương với **don't have to**.

Bạn tham khảo: [Have to và Must trong tiếng Anh](#).

Ví dụ:

- We've got plenty of time. We don't have to hurry. Chúng ta có nhiều thì giờ. Chúng ta không cần phải vội.

## C. Cách sử dụng Needn't have (done) trong tiếng Anh

Ví dụ tình huống:

(George had to go out. He thought it was going to rain, so he decided to take the umbrella) (George phải đi ra ngoài. Anh ấy nghĩ là trời sẽ mưa, nên anh ấy quyết định mang theo dù.) - I think it's going to rain. I'll take the umbrella. Tôi nghĩ trời sắp mưa. Tôi sẽ mang theo dù. (But it didn't rain, so the umbrella was not necessary) (Nhưng trời đã không mưa, vì vậy cái dù là không cần thiết) - I needn't have brought the umbrella. (Lẽ ra) Tôi đã không cần phải mang theo dù. - He needn't have taken the umbrella. Anh ấy đã không cần phải mang theo dù.

"He needn't have taken the umbrella" = Anh ấy đã mang theo dù nhưng nó không cần thiết. Dĩ nhiên, anh ấy không biết điều này lúc anh ấy đi.

So sánh **needn't (do)** và **needn't have (done)**:

- That shirt isn't dirty. You needn't wash it. Cái áo đó không bẩn. Anh không cần giặt nó đâu. - Why did you wash shirt? It wasn't dirty. You needn't have washed it. Tại sao anh lại giặt cái áo đó? Nó đâu có bẩn. Anh đã không cần phải giặt nó.

## D. So sánh didn't need to (do) và needn't have (done)

- **I didn't need to...** = Đã không cần thiết để tôi phải ... (tôi đã biết điều này ngay từ đầu):

- I didn't need to get up early, so I didn't. Tôi đã không cần phải dậy sớm, vì vậy tôi đã không dậy. - I didn't need to get up early, but it was a lovely morning, so I did. Tôi đã không cần phải dậy sớm, nhưng đó là một buổi sáng đẹp trời, vì vậy tôi đã dậy.

- **I needn't have (done) something** = Tôi đã làm điều đó nhưng bây giờ tôi biết điều đó là không cần thiết.

- I got up very early because I had to get ready to go away. But in fact it didn't take me long to get ready. So, I needn't have got up so

early. I could have stayed in bed longer. Tôi đã dậy rất sớm vì tôi phải chuẩn bị đi xa. Nhưng thật ra việc chuẩn bị của tôi đã không mất nhiều thì giờ. Vì vậy lẽ ra tôi đã không cần phải dậy sớm như vậy. Tôi đã có thể ngủ thêm lâu hơn.